

Phát triển bền vững

LỰA CHỌN THÀNH CÔNG TRONG KỶ NGUYÊN HỘI NHẬP MỚI

TS. THÂN THỊ THU THỦY *

ThS. TRẦN THẾ SAO **

Có nhiều nguyên nhân gây ra lạm phát, tuy nhiên lạm phát cao và kéo dài ở đâu và bao giờ cũng là hiện tượng tiền tệ như Milton Friedman đã nói. Chính vì vậy, CSTT thắt chặt đã được triển khai bằng các biện pháp cụ thể như siết chặt cho vay kinh doanh chứng khoán (Chỉ thị 03/2007/CT-NHNN), tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 11% (Quyết định 187/2008/QĐ-NHNN ngày 16/01/2008), phát hành tín phiếu với tổng trị giá 20.300 tỷ đồng dưới hình thức bắt buộc (Quyết định 346/QĐ-NHNN ngày 13/2/2008)... , tất cả những biện pháp đó đều nhắm tới mục

THEO DÒNG KẾ HOẠCH

Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế từ mức 8,5-9%/năm trong giai đoạn 1992-1997 giảm xuống chỉ còn khoảng 5,5%/năm trong các năm 1998-2000, chỉ số giá tăng ở mức 0,1% (1999) và -0,6% (2000). Với các nỗ lực kích cầu, thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng, nền kinh tế dần lấy lại tốc độ tăng trưởng cao, lạm phát cũng dần đi vào ổn định. Năm 2001, 2002, 2003 theo nhận định là 3 năm thành công trong việc điều hành CSTT, đặc biệt là trong việc kiểm soát lạm phát góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lạm phát dao động ở mức vừa phải từ 3% đến 4%/năm.

Song lạm phát cứ như một cục than hồng nguyền dưới lớp tro tàn, năm 2004 đánh dấu sự quay trở lại của lạm phát với tốc độ tăng giá lên đến 9,5% vượt xa so với kế hoạch 4-5%. Đứng trước cú sốc không hoàn thành kế hoạch, năm 2005 tỷ lệ lạm phát đặt ra theo kế hoạch là 6,5% (phần đầu thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế), nhưng trong năm này kế hoạch một lần nữa không hoàn thành mặc cho các giải pháp tài chính - tiền tệ nhằm vào kiểm soát lạm phát. Từ năm đó có lẽ e ngại về việc liên tục không hoàn thành kế hoạch cho nên tỷ lệ lạm phát kế hoạch năm 2006 không còn được ấn định bởi một con số hay một phạm vi cụ thể nữa mà chỉ cần thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế là được. Mọi nỗ lực đã được thực hiện để hoàn thành kế hoạch năm 2006, cứ ngỡ rằng việc đặt mục tiêu như thế sẽ dễ đạt hơn nhưng năm 2007 đánh dấu một mốc mới sự trở lại của lạm phát, tốc độ tăng giá đạt mức 2 con số (12,63%) bỏ xa tốc độ tăng trưởng kinh tế (8,48%), đạt mức cao nhất kể từ năm 1996 trở lại đây.

Không cần phải nhắc lại những hệ quả tiêu cực

mà lạm phát để lại cho nền kinh tế - xã hội, ngay từ đầu năm 2008 nhiều biện pháp đã được thực hiện nhằm chủ động kiểm soát lạm phát chứ không đợi “thùng” rồi mới tìm cách “vá”. Tuy nhiên chỉ mới hết quý 1, tốc độ tăng giá đã lên tới 9,19%, bằng hai phần ba tốc độ tăng giá cả năm trước và đã vượt quá chỉ tiêu của cả năm (thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế theo kế hoạch là 8,5%), trở thành tốc độ tăng giá cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Còn lâu mới hết năm 2008 nhưng kế hoạch phần đầu tốc độ tăng giá thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế đã không thể thành hiện thực trừ phi kinh tế có bước tăng trưởng thần kỳ, vậy thì năm nay sẽ phần đầu đạt cái gì, đến lúc này thì kế hoạch được điều chỉnh thành phần đầu tốc độ tăng giá năm 2008 thấp hơn năm 2007. Tuy nhiên đến hết tháng 4 chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 11,6%, nếu như vậy chỉ tiêu kế hoạch chỉ còn lại 1% phân cho 8 tháng, đây là điều không tưởng. Mọi kế hoạch đặt ra đều không thực hiện được, nếu giá cả cứ “thùng thỉnh” tăng mỗi tháng 0,5% thì tốc độ tăng giá năm nay sẽ vào khoảng 16%, không loại trừ trường hợp xấu chỉ số giá có thể tăng cao hơn vào khoảng 20%.

NHÌN LẠI NHỮNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẠM PHÁT ĐÃ TRIỂN KHAI

Có nhiều nguyên nhân gây ra lạm phát, tuy nhiên lạm phát cao và kéo dài ở đâu và bao giờ cũng là hiện tượng tiền tệ như Milton Friedman đã nói. Chính vì vậy, CSTT thắt chặt đã được triển khai bằng các biện pháp cụ thể như siết chặt cho vay kinh doanh chứng khoán (Chỉ thị 03/2007/CT-NHNN), tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 11% (Quyết định 187/2008/QĐ-NHNN ngày 16/01/2008), phát hành tín phiếu với tổng trị giá 20.300 tỷ đồng dưới hình thức bắt buộc (Quyết định 346/QĐ-NHNN ngày 13/2/2008)... , tất cả những biện pháp đó đều

* Đại học Kinh tế TP.HCM

** Đại học Mở TP.HCM

nhằm tới mục đích rút bớt tiền từ trong lưu thông về.

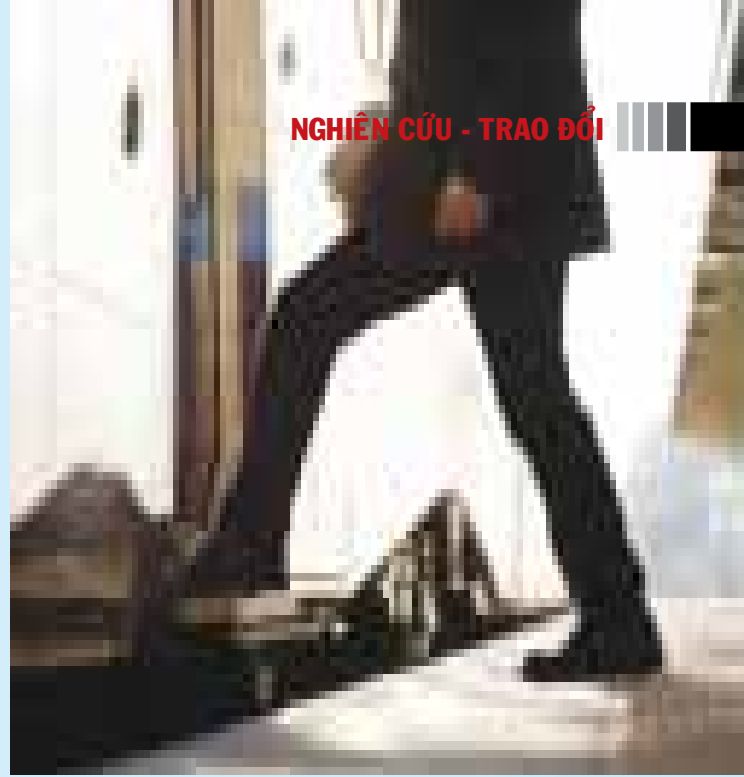
Bên cạnh đó, NHNN đã nới rộng biên độ giao dịch USD lên 1% để giúp tỷ giá giảm sâu hơn nữa, hỗ trợ cho mục tiêu chống lạm phát (Quyết định 504/QĐ-NHNN ngày 7/3/2008).

Về phía Chính phủ, ngày 03/03/2008, thay mặt Thủ tướng, Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng đã ký Công văn số 319/TTg-KHTh về tăng cường các biện pháp kiềm chế lạm phát năm 2008 bên cạnh hàng loạt các giải pháp cụ thể đã thực hiện trước đó như giảm thuế nhập khẩu một số mặt hàng quan trọng như xăng, phôi thép, sữa..., hoãn lộ trình tăng giá điện, than....

Hiệu quả của những biện pháp trên còn chờ thời gian trả lời nhưng một số vấn đề mới đã nảy sinh. Trước hết, có thể nhận định chủ trương rút bớt tiền từ lưu thông là hoàn toàn đúng đắn nhưng việc thực hiện chưa thật sự hiệu quả. Phát hành tín phiếu là đúng nhưng tiếc rằng lại kèm thêm hai chữ “bắt buộc”, một biện pháp hành chính chứ không tuân theo nguyên tắc thị trường chứng tỏ NHNN lúng túng trong việc sử dụng các công cụ của mình để điều tiết khối tiền trong lưu thông. Khi quy luật thị trường không được tôn trọng nó đã tạo nên những bất ổn không cần thiết trong hệ thống ngân hàng, các ngân hàng “nháo nhào” tăng lãi suất huy động, biểu lãi suất huy động của các NHTM liên tục thay đổi để giành giật khách hàng, chưa bao giờ lãi suất ngắn hạn lại cao hơn lãi suất dài hạn như trong lúc này. Lãi suất huy động đã “tranh thủ” vượt qua mức 12%/năm trước khi NHNN một lần nữa bằng biện pháp hành chính buộc các NHTM không được tăng lãi suất huy động quá 12%/năm (Công điện số 02/CĐ-NHNN ngày 26/02/2008 của Thống đốc NHNN). Chi phí đầu vào của các NHTM tăng (lãi suất huy động tăng, tỷ lệ DTBB tăng) tất yếu lãi suất cho vay cũng tăng, trước mắt sẽ làm cho chi phí đầu vào của các doanh nghiệp tăng, đến một lúc nào đó nó sẽ thể hiện trong giá bán sản phẩm tạo nên chuỗi liên hoàn lạm phát đẩy chi phí, chi phí đẩy lạm phát.

Tuy nhiên một lần nữa việc áp đặt biện pháp hành chính của NHNN đã làm xói mòn thành quả của quá trình tự do hóa lãi suất mà hệ thống ngân hàng Việt Nam đã đạt được, hơn nữa việc ấn định lãi suất huy động không vượt quá 12%/năm đã làm cho lãi suất thực âm, đi ngược lại những nguyên tắc cơ bản của các biện pháp chống lạm phát. Điều này cho thấy CSTT Việt Nam vẫn chưa thực sự được điều hành theo tín hiệu lãi suất, và NHNN chưa kiên định trong các biện pháp chống lạm phát, đã dao động trước việc các DN “kêu” tăng chi phí đầu vào hoặc còn lo sợ chi phí lãi vay cao sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Cũng trong thời gian qua, thị trường ngoại hối đã chứng kiến sự trượt dài của đồng USD trong một giai đoạn khá lâu, điều mà hiếm ai nghĩ đến, bởi vì trong suy nghĩ của mọi người NHNN sẽ điều hành tỷ giá theo lộ trình tăng dần để hỗ trợ hoạt



động xuất khẩu góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, và hơn nữa một nền kinh tế nhập siêu như Việt Nam thì lấy đâu ra thừa USD quá nhiều đến nỗi USD rớt giá thê thảm.

Khi tỷ giá giảm, thực tiễn và lý luận cho thấy điều này sẽ hỗ trợ cho việc kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên việc để cho tỷ giá giảm có phải là chủ trương của NHNN hay không, nhìn thì có vẻ như vậy nhưng thực ra có lẽ NHNN không đủ sức mua nổi lượng USD trên thị trường khiến USD tràn ngập thị trường và do đó tỷ giá giảm là lẽ đương nhiên (nếu tiếp tục mua vào USD dù rẻ thì NHNN sẽ phải bơm ra thị trường một lượng lớn tiền đồng trong khi đó các công cụ hiện nay chưa đủ sức hút lại càng làm cho lạm phát thêm trầm trọng). Do biết chắc rằng nắm giữ USD sẽ cầm chắc lỗ nên các NHTM cũng không mặn mà việc mua vào USD, vậy thì khi ai đó có nhu cầu chuyển USD ra VND, NHTM sẽ tính phí và như vậy giá USD tại các NHTM bằng với giá giao dịch trên thị trường tự do, thế thì thị trường ngoại hối chính thức cũng chẳng khác gì thị trường ngoại hối chợ đen. NHNN đã lên tiếng sẽ mua vào USD để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu (để đảm bảo về tính thanh khoản tiền đồng, đảm bảo thu nhập) nhưng động thái cụ thể vẫn còn nhỏ giọt. Trong cơn “bấn loạn”, đã có ý kiến cho phép công ty bán cổ phần lấy USD (vừa giải quyết tình trạng thừa USD vừa cứu TTCK) nhưng liệu điều này có phần lại quyết tâm chống tình trạng USD hóa, trên lãnh thổ Việt Nam chỉ giao dịch bằng VND hay không và có làm cho NHNN ngày càng khó kiểm soát lượng tiền trong lưu thông khi mà nay ngoài Bộ Tài chính còn có thêm nhiều đối tượng khác có khả năng tạo tiền thông qua việc mua bán ngoại tệ không thông qua hệ thống ngân hàng.

Cho đến đầu tháng 4, những nhà xuất khẩu và những người nắm giữ USD đã vui mừng trở lại vì USD đã tăng giá lại như trước, việc USD tăng giá trở lại là nhu cầu USD tăng cao còn vai trò của NHNN trong việc điều hành tỷ giá tỏ ra hết sức mờ nhạt trong giai đoạn này. Như vậy, việc USD thừa hay

khan hiếm chỉ là hiện tượng cục bộ, diễn ra trong một giai đoạn ngắn, rất tiếc rằng NHNN đã không vận dụng linh hoạt các công cụ điều tiết, tranh thủ mua USD khi giá USD xuống thấp để tăng nguồn dự trữ ngoại hối hỗ trợ lộ trình tự do hóa tỷ giá.

GIẢI PHÁP CHỨA ĐÁNH TRÚNG HUYỆT

Như vậy, hiệu quả của những biện pháp trên còn phải chờ đợi thời gian trả lời nhưng trước mắt nó đã tạo nên những bất ổn nhỏ đối với thị trường tài chính tiền tệ từ đó gây xáo trộn tới hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống kinh tế - xã hội. Nếu xác định đúng “huyết đạo” chỉ cần điểm nhẹ cũng đủ đẩy lùi lạm phát, còn nếu không xác định đúng thì có đánh vô số chiêu xung quanh cũng chỉ làm lạm phát tạm thời lui mà thôi. Vì vậy có lẽ nên dành ít dòng để điểm qua các nguyên nhân chủ yếu gây ra lạm phát gần đây.

Trước hết, ngay từ đầu năm, giá dầu thô trên thế giới tiếp tục tăng cao, ngày 20/2/2008 giá dầu thô lần đầu tiên vượt ngưỡng 100USD/thùng, trước tình hình đó ngày 25/02/2008 giá xăng trong nước đã tăng 1.500đ/lít lên mức 14.500đ/lít, giá dầu diezen tăng 3.700đ/lít lên mức 13.900đ/lít. Giá xăng dầu tăng cao đã kéo theo hàng loạt các mặt hàng khác gia tăng theo một dây chuyền domino, từ các sản phẩm dịch vụ phải sử dụng xăng dầu cho tới những sản phẩm dịch vụ không hề liên quan.

Bên cạnh giá xăng dầu tăng cao trong điều kiện nước ta vẫn phải nhập khẩu 100% nhu cầu xăng thì các mặt hàng nhập khẩu quan trọng khác như sắt, thép, phân bón... trên thế giới tăng cao đã khiến cho một nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu như Việt Nam không tránh khỏi những tác động to lớn.

Hai là, tình hình dịch bệnh, thời tiết rét đậm kéo dài ở miền Bắc đã làm suy giảm nguồn cung lương thực, thực phẩm khiến cho giá cả lương thực, thực phẩm ngoài đợt tăng cao điểm vào dịp Tết nguyên đán vẫn tiếp tục gia tăng sau đó, trong 4 tháng đầu năm, giá lương thực tăng 25,12%, giá thực phẩm 15,59%. Trong điều kiện tỷ trọng chi tiêu cho lương thực, thực phẩm vẫn còn cao (42,58%) thì giá cả tăng là điều tất yếu khi nguồn cung suy giảm.

Ba là, đánh dấu cho sự kiện một năm sau gia nhập WTO là một dòng vốn lớn ồ ạt đổ vào Việt Nam, để giữ cho tỷ giá có lợi cho xuất khẩu, NHNN đã phải tung ra một lượng lớn tiền đồng để mua vào USD nhưng các công cụ điều hành CSTT chưa đủ sức hút hết lượng tiền về. Cùng với các kênh phát hành tiền khác đã làm cho lượng tiền trong lưu thông vượt xa giá trị hàng hóa và dịch vụ vì vậy hàng lên giá, tiền xuống giá là điều tất yếu.

Còn rất nhiều nguyên nhân khác nữa, nhưng nhìn chung chúng đều gây ra tình trạng mất cân đối mối quan hệ hàng - tiền và do vậy lạm phát là điều tất nhiên. Vậy chẳng lẽ gia nhập WTO thì nhất định nền kinh tế sẽ bị lạm phát hay lạm phát Việt Nam cứ mãi phụ thuộc vào những nguyên nhân khách quan như giá dầu thế giới, dịch bệnh...

Công bằng mà nói chính nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang chứa đựng những yếu kém căn

ơ cho nên bây giờ khi bước ra biển lớn hội nhập, chúng ta dễ dàng bị lây nhiễm những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thế giới. Những vấn đề tồn tại lâu nay của nền kinh tế có thể kể đến là:

Thứ nhất, tầm nhìn và khả năng dự báo của các cơ quan chức năng còn quá hạn chế, chúng ta không thể nào dự báo được tình hình rét lại kéo dài và nặng nề đến thế, chúng ta không hề đưa ra tình hướng dòng vốn nước ngoài sẽ ồ ạt đổ vào như thế mặc dù đã một lần việc phát hành trái phiếu Việt Nam trên trường quốc tế đã mang lại kết quả hết sức bất ngờ. Công tác dự báo kém vì vậy chỉ khi lạm phát bùng phát chúng ta mới giật mình nhận ra và hối hả đi tìm biện pháp chống lạm phát (đơn cử như nửa cuối năm 2004 và đầu năm 2008) chứ không phải tìm cách kiểm soát lạm phát ngay từ đầu.

Thứ hai, chúng ta dường như đang bị ru ngủ (bởi chính chúng ta và bởi những tổ chức quốc tế) bởi các thành tích kinh tế trong những năm vừa qua mà không nhận ra hiệu quả chiều sâu thực sự của nền kinh tế, hệ số ICOR của Việt Nam vào khoảng 5 cao hơn mức trung bình so với các nước trong khu vực (khoảng 3) và vì vậy khi đón nhận một dòng vốn lớn đã không thể nào tiêu hóa nổi.

Thứ ba, chúng ta quá nóng lòng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đã biến cả nước thành một đại công trường xây dựng. Chi đầu tư phát triển của Nhà nước chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi ngân sách (40%) nhưng hiệu quả đầu tư không đạt như mong đợi ban đầu, hàng thu về không xứng với tiền bỏ ra.

Thứ tư, trình độ và cơ chế quản lý còn nhiều yếu kém, lỏng lẻo đã khiến cho tham nhũng không những không bớt đi mà còn lộng hành trắng trợn ở một số nơi hoặc ẩn nấp tinh vi dưới nhiều hình thức. Tham nhũng đi đôi với lãng phí gặm nhấm vào của cải quốc gia, xã hội, làm gia tăng chi phí để tạo ra một đơn vị hàng hóa.

Hiệu quả nền kinh tế thấp, chi tiêu công dân trải lại bị thất thoát kéo dài qua nhiều năm đã tạo thành “một lớp tro ủ nóng cho cục than hồng” lạm phát âm ỉ cháy và bùng cháy khi có điều kiện.

Thứ năm, chúng ta chưa quen mình bạch trong tất cả mọi vấn đề kinh tế - xã hội, điều này khiến cho giá cả tăng nhanh và lan truyền rộng rãi bởi tâm lý tiểu thương của đại đa số dân chúng Việt Nam, và cũng chính tâm lý này mà những tin đồn thất thiệt kiểu như giám đốc công ty này bị bắt, chuẩn bị có đợt đổi tiền mới, khan hiếm gạo ...mới có đất sống.

Và còn rất nhiều nguyên nhân nội tại khác nữa, những nguyên nhân này ẩn đằng sau những nguyên nhân như giá xăng, diễn biến thời tiết... Chính chúng mới là nguy cơ tiềm tàng nguy hại cho nền kinh tế, không những gây ra tình trạng lạm phát cao như hôm nay mà còn có thể gây ra khủng hoảng kinh tế - xã hội trong tương lai nếu ngay từ bây giờ không có biện pháp đúng đắn kịp thời ngăn chặn.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - LỰA CHỌN THÀNH CÔNG

TRONG KỶ NGUYÊN HỘI NHẬP MỚI

Những biện pháp mà Chính phủ và NHNN đã và đang triển khai chắc chắn sẽ có tác dụng đẩy lùi lạm phát, nhưng cũng không khác gì cho người bệnh uống thuốc hạ sốt hay giảm đau, bệnh sẽ không dứt và sẽ còn tái phát với tình trạng trầm trọng hơn. Tình trạng lạm phát cao hôm nay có lẽ cũng đã bắt đầu từ năm 2004 nhưng không được trị dứt điểm mà chỉ bằng các biện pháp tài chính tiền tệ tạm thời đưa lạm phát xuống dưới mức tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, trong năm này và có thể trong năm tới, chúng ta có thể phải chấp nhận tạm thời hạ thấp mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ưu tiên cho mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Về phía NHNN, tiếp tục giữ vững quan điểm thực hiện CSTT thắt chặt để kiểm soát lạm phát không vì lợi ích của một số nhóm quyền lực mà dễ dàng thay đổi chính sách chẳng hạn như tác động của các NHTM, của các nhà đầu tư chứng khoán và yêu cầu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong khi thực hiện CSTT cần tôn trọng các nguyên tắc thị trường, không dùng các biện pháp hành chính phi thị trường và đảm bảo mối quan hệ cân đối tiền – hàng. Bên cạnh đó, cần xác định lại mục tiêu ưu tiên hàng đầu của CSTT trong giai đoạn mới này, nếu CSTT cứ theo đuổi đa mục tiêu mà không có thứ tự ưu tiên như hiện nay thì trong nhiều tình huống NHNN rất lúng túng không biết theo đuổi mục tiêu nào và khi đó sẽ không đạt hiệu quả ở mục tiêu nào hết. Cụ thể NHNN cần đẩy nhanh quá trình tiến tới thả nổi hoàn toàn tỷ giá nhưng phải công bố rộng rãi lộ trình thả nổi tỷ giá đi kèm với việc tạo lập hành lang pháp lý và đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến việc sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro. Xét thấy, khi giá USD xuống thấp như thời gian qua là cơ hội để NHNN tiếp tục mua vào để tăng cường dự trữ ngoại hối chuẩn bị cho quá trình tự do hóa tỷ giá hối đoái, nếu sắp tới NHNN có mua vào USD thì phải đẩy mạnh việc hút tiền vào thông qua thị trường mở, trong khi các công cụ hút tiền về chưa đa dạng thì phải tạo sự hấp dẫn ở mức lãi suất cao, khi đó NHNN phải gánh chịu chi phí trả lãi và coi như đó là chi phí chống lạm phát chứ không đẩy chi phí này sang cho các NHTM cũng là các doanh nghiệp được thành lập vì mục tiêu lợi nhuận.

Tuy nhiên việc thực hiện CSTT có mang lại thành công hay không còn phải có sự hỗ trợ từ phía Chính phủ, đặc biệt trong điều kiện tính độc lập của NHNN Việt Nam còn ở mức thấp. Bên cạnh chính sách tiền tệ thắt chặt, chính sách tài chính cần hướng tới việc chấn chỉnh kỷ cương trong chi tiêu công, kiên quyết nói không với lãng phí, tiêu cực, tăng cường hiệu quả đầu tư đi đôi với việc hỗ trợ mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất cho các doanh nghiệp, tăng cường chiến lược dự trữ quốc gia các mặt hàng trọng điểm... Việc thực hiện chính sách tài chính thu hẹp và kỷ luật có thể làm tốc độ tăng trưởng kinh tế tạm thời suy giảm, nhưng hạ thấp năm nay để tạo tiền đề cho tăng trưởng ổn định, bền vững hơn trong tương

lai, phải làm sao cho thành quả tăng trưởng lan tỏa đến cuộc sống của từng người dân, tránh tình trạng kinh tế mới tăng trưởng được vài năm mà bước ra đường là thấy kẹt xe, ô nhiễm môi trường, công nhân đình công vì suy giảm mức sống... về nhà thấy mâm cơm ngày càng vơi do giá tăng.

Có thể nói, lạm phát tăng cao ngay sau khi gia nhập WTO là một cơ hội để chúng ta sớm nhìn nhận lại những yếu kém nội tại từ đó khắc phục yếu kém, tận dụng cơ hội vươn đến đỉnh cao mới trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế. Đối với NHNN, đây là lúc nhìn nhận lại hiệu quả của việc sử dụng các công cụ điều tiết chính sách tiền tệ sau nhiều năm được cho là thành công. Đối với Chính phủ, đây là lúc nhìn nhận lại hiệu quả chỉ tiêu, mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô, là cơ hội để phân định rõ lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị. Đối với các doanh nghiệp, lạm phát tăng cao cũng là cơ hội đánh giá lại hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu vào trong mối tương quan với sản phẩm, dịch vụ đầu ra, tạo áp lực cho doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới đồng thời cũng là lúc doanh nghiệp nhận thức hơn nữa về vai trò đồng hành cùng Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách kinh tế chứ không đơn thuần kêu gọi sự hỗ trợ từ phía Nhà nước.

Năm 2008, năm Mậu Tý, năm khởi đầu của 12 con giáp, đối với nền kinh tế Việt Nam hãy coi như đây là khởi đầu của một công cuộc mới, công cuộc phát triển kinh tế theo hướng bền vững, cú vấp ngã đầu tiên sau gia nhập WTO này xem ra vẫn còn nhẹ, nhẹ nhưng phải đánh đổi bằng cả năm tới. Để khi đó kết thúc năm 2009 bắt đầu năm 2010 tạo tiền đề thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ mới 2011-2020. Cần nhớ rằng “tập trung sức mạnh phát triển kinh tế sẽ đến sau khi thực hiện các phương pháp kiểm chế lạm phát” (Minskin) và một khi nền kinh tế phát triển ổn định, bền vững sẽ tạo điều kiện kiểm soát lạm phát tốt hơn, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển điều hành CSTT theo khuôn khổ lạm phát mục tiêu sau năm 2010 theo tinh thần của đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ) ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andy Bery, Jonathan D.Ostry and Jeromin Zettelmeyer (2006), “What makes growth sustained”, IMF western hemisphere department workshop.
2. Harvard University (2008), “Lựa chọn thành công – Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam”, Chương trình châu Á.
3. TS Lê Thị Tuấn Nghĩa, Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước để đáp ứng yêu cầu hội nhập”, Tạp chí Ngân hàng số 22/2006.
4. Thủ tướng Chính phủ (2006), “Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”, Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.
5. Thông tin về tình hình kinh tế xã hội trên các website của Bộ tài chính (www.mof.gov.vn), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (www.sbv.gov.vn), Thời báo Kinh tế Việt Nam (www.vneconomy.com.vn), Tổng cục Thống kê (www.gso.gov.vn)...